

→ Mùng 15/10/2016 Báo TĐVN 16/9

CTY TNHH MTV LCN

BẮC QUẢNG BÌNH

MST: 3100283886

Số: 268/ KH - CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2016

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 đã được UBND Tỉnh Quảng Bình duyệt tại Quyết định số 1779/QĐ- UBND ngày 14/6/2016

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm trước.

T T	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu			
	- Nhựa Thông	Tấn	330	286,66
	- Gỗ rừng trồng	m ³	8.000	7.611,03
	- Cây Keo lai hom	Cây	500.000	402.850
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	ha	23.500	23.500
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	18,179	20,393
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,020	0,020
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,086	1,162
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng		
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD		
8	Các chỉ tiêu khác			

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Nhựa Thông	Tấn	300
	- Gỗ rừng trồng	m ³	4.000
	- Cây Keo lai hom	Cây	500.000

2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	ha	23.500
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	15.209
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,012
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,318
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

III. Các giải pháp thực hiện.

1. Xác định rõ ngành nghề kinh doanh.

a. Dịch vụ công ích

- + Trồng rừng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ
- + Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất

b. Sản xuất và cung ứng sản phẩm

- + Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng
- + Sản xuất cây giống Lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày
- + Quy hoạch thiết kế trồng rừng, chăm sóc rừng, điều chế rừng trồng;
- + Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ mủ Cao su
- + Khai thác, chế biến, tiêu thụ gỗ rừng trồng, nhựa Thông và Lâm sản khác
- + Xây dựng, sửa chữa đường vận suất, vận chuyển cây giống và sản phẩm gỗ rừng trồng
- + Các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép

2. Giải pháp về đất đai

a. Lập phương án sử dụng đất

Công ty lập phương án sử dụng đất và đã được UBND Tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 06/6/2016. Nội dung phương án sử dụng đất thể hiện vị trí, ranh giới sử dụng đất; Diện tích đất đề nghị giữ lại sử dụng theo từng loại đất, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, diện tích đất bằng giao cho địa phương.

Đối với diện tích đất bị lấn chiếm xen kẽ trong lâm phần cần giữ lại: Công ty làm việc với các hộ gia đình để thực hiện phương án giao khoán cho các hộ để quản lý đất đai theo đúng quy định.

b. Tiến hành đo đạc, cắm mốc, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích giữ lại để sản xuất kinh doanh.

c. Đối với diện tích đề nghị thu hồi, bàn giao về địa phương:

Công ty phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành thực hiện thủ tục bàn giao và giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản và hồ sơ đất bàn giao.

3. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng:

a. Rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng:

Thực hiện theo quy hoạch 3 loại rừng do UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định

2410/QĐ - UBND ngày 03/9/2014 của UBND Tỉnh Quảng Bình.

b. Giải pháp về phát triển rừng trồng là rừng sản xuất:

Tiếp tục đầu tư trồng các loại cây có giá trị kinh tế, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng của khu vực như: Keo lai, Thông nhựa, Cao su. Đầu tư trồng rừng thâm canh nhằm nâng cao chất lượng rừng; Trồng thí điểm một số loài cây mới có năng suất và giá trị kinh tế cao để từng bước nhân rộng.

c. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên sản xuất và phòng hộ:

Công ty tổ chức lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách để đảm bảo rừng tự nhiên toàn Công ty và đặc biệt tại các khu rừng có nguy cơ xâm hại cao. Biên chế lực lượng bảo vệ rừng đủ mạnh, ưu tiên lực lượng ở một số địa bàn có tính phức tạp, những điểm nóng về bảo vệ rừng; Tổ chức bộ máy tại các Chi nhánh để quản lý, chỉ đạo trực tiếp và điều hành tại Công ty. Đề nghị nhà nước đầu tư vốn ngân sách để trồng rừng phòng hộ đối với những diện tích đất chưa có rừng với các loại cây bản địa như: Thông nhựa ... để nâng cao chức năng phòng hộ và mang lại hiệu quả kinh tế.

4. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng:

- Vốn điều lệ: 84.546.120.645 đồng

- Để có nguồn vốn đảm bảo phục vụ tốt cho SXKD Công ty huy động vốn CBCNV trong đơn vị và liên doanh với các đơn vị khác.

- Mô hình Công ty cơ bản vẫn như hiện nay Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty sử dụng các tài sản như vườn cây Cao su, rừng trồng làm cơ sở cho việc thực hiện dự án liên doanh (nếu có) và làm tài sản thế chấp cho ngân hàng để vay vốn ngắn hạn và dài hạn đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

- Nhà nước giao kế hoạch và đảm bảo cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất:

+ Rừng tự nhiên là rừng sản xuất: $23.500 \text{ ha} \times 200.000 \text{ đồng/ha/năm} = 4.700.000.000 \text{ đồng}$ (nguồn vốn này từ năm 2015 đến nay vẫn chưa được Bộ tài chính cấp kinh phí).

+ Rừng tự nhiên là rừng phòng hộ: Diện tích 2.670 ha nhưng hiện nay vẫn chưa có kế hoạch bố trí vốn.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn tự có của Công ty, vốn vay và vốn liên doanh, liên kết khác.

5. Giải pháp về sản xuất

Trong tương lai khi diện tích rừng Keo nguyên liệu và mủ Cao su có sản lượng lớn, Công ty sẽ nghiên cứu liên doanh với các đối tác đầu tư nhà máy chế biến đằm gỗ nhằm nâng cao giá trị rừng; Xây dựng nhà máy chế biến mủ Cao su để chế biến.

6. Giải pháp về thị trường

Công ty mở rộng tìm kiếm thị trường trong và ngoài tỉnh để tiêu thụ sản phẩm ổn định, kêu gọi hợp tác đầu tư tiêu thụ sản phẩm

7. Giải pháp về lao động:

- Căn cứ định mức lao động và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau sắp xếp đổi mới, công ty cân đối và thực hiện các giải pháp về lao động như sau:

- Tổng số lao động hiện có: 188 người được sắp xếp

+ Tiếp tục sử dụng: 145 người

+ Giải quyết theo chế độ dôi dư: 43 người

Đối với lao động được tiếp tục sử dụng, Công ty đã rà soát lựa chọn những lao động có điều kiện về sức khỏe, trình độ, tay nghề, thái độ lao động ... để tiếp tục ở lại thực hiện nhiệm vụ theo đề án sau khi sắp xếp đổi mới.

Đối với lao động nghỉ theo luật lao động: Đây là đối tượng đã đủ đối tượng nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động

Đối với lao động dôi dư: Đây là lực lượng lao động Công ty đã tìm mọi giải pháp nhưng không thể bố trí được việc làm do thu hẹp sản xuất sau khi sắp xếp chuyển đổi. Kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động là: 3.007.798.365 đồng, trong đó được Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí với tổng số tiền là: 2.800.171.615 đồng (Quyết định số: 1843/QĐ – BTC ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài Chính).

8. Giải pháp về khoa học công nghệ:

Công ty tiếp tục ứng dụng các thành tựu khoa học Công nghệ mới sản xuất như: Công nghệ giống cây trồng mới có năng suất cao.

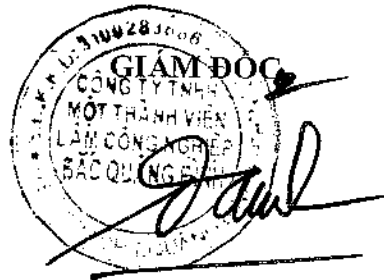
9. Giải pháp quản lý:

Rà soát để bổ sung nội quy lao động, nội quy quản lý lao động, kinh tế và trật tự xã hội trong phạm vi Công ty, thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ ngày càng phù hợp với thực tiễn của Công ty nhưng không trái pháp luật nhà nước, đẩy mạnh sản xuất gắn với tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LIÊN



TRẦN QUANG ĐÀM